

Bản án số: 62/2020/KDTM-PT
Ngày 11 – 9 – 2020
V/v: “*Tranh chấp thành viên công ty*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Văn Yên

-Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 75/TLTP-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2018 về “*Tranh chấp thành viên công ty*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 934/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 752/2020/QĐPT-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Đ (Sau đây viết tắt là Công ty Đ).

Địa chỉ: 207/10 đường T, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Q (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn T2 - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên M1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Công ty H (Sau đây viết tắt là Công ty H).

Địa chỉ: Lô II -1, Đường số 1, Cụm 1, Nhóm CN II, Khu công nghiệp T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông L Chien Jen và Ông Trần Ngọc H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lin Yen S (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vụ kiện tranh chấp thành viên trong Xí nghiệp liên doanh Đ đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý theo hồ sơ số 700/KTST ngày 16/10/2006 và đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận thỏa thuận giữa các đương sự số 808/2007/QĐ-KDTM-ST ngày 23/5/2007 với nội dung thỏa thuận như sau:

- Thành lập Ban thanh lý xí nghiệp liên doanh Đ và Ban thanh lý sẽ làm việc theo hai giai đoạn như sau:

+ Ông Lin Yen S sẽ có trách nhiệm là báo cáo tình hình tài chính của xí nghiệp liên doanh Đ gửi cho các bên liên quan. Nếu các bên đồng ý với báo cáo này thì sẽ thanh lý giải thể xí nghiệp liên doanh Đ, nếu không đồng ý thì sẽ tiếp tục giai đoạn hai.

+ Các bên thống nhất yêu cầu kiểm toán, chi phí kiểm toán do xí nghiệp liên doanh Đ chịu, nếu xí nghiệp liên doanh Đ không còn tiền thì do các bên trong liên doanh đóng góp theo tỷ lệ góp vốn.

Thời gian hoạt động của Ban thanh lý là một năm kể từ ngày 15/5/2007.

Trong quá trình thi hành quyết định trên, ngày 17/10/2007 Công ty Đ yêu cầu bị đơn, bà Lan Chun Y khẩn trương tiến hành thành lập Ban thanh lý để thanh lý xí nghiệp liên doanh Đ nhưng các bên không làm và cố tình né tránh vụ việc trên.

Đến nay đã quá thời gian một năm nhưng bị đơn và bà Lan Chun Y và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn không chấp hành Quyết định công nhận thỏa thuận giữa các đương sự số 808/2007/QĐ-KDTM-ST ngày 23/5/2007 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, nay nguyên đơn yêu cầu:

Yêu cầu H Plywood Industrial Co.,Ltd phải hoàn trả đầy đủ và và một lần để Công ty Đ có thể tái xây dựng lại nhà máy sản xuất kinh doanh như cũ, gồm có:

- + Thiết bị máy móc hiện có, trị giá: 47.248,47 USD
- + Xe tải 1,5 tấn hiệu Hyundai: 8.325,62 USD
- + Nhà xưởng, góp thực tế năm thứ nhất: 23.363,52 USD
- + Nhà xưởng, góp thực tế năm thứ hai: 8.334,00 USD
- + Hợp đồng Lixăng sử dụng nhãn hiệu :50.000,00 USD

- Tổng cộng: 137.271,61 USD

- Bồi thường thiệt hại thu nhập bị mất từ năm 1997 đến năm 2004 là: 2.574.852.046 đồng.

- Trả tiền nguyên vật liệu inox lấy thừa 214.150.587 đồng.

Tổng cộng là 2.789.002.633 đồng và 137.271,61 USD.

Bị đơn – Công ty H có ý kiến như sau:

Thứ nhất: Về thiết bị máy móc và xe tải trị giá 55.574,09 USD: Năm 1993 thông qua ông Ba T1 là bạn của ông Lee Chu T giới thiệu ông Nguyễn Văn Q để làm quen và bàn bạc việc thành lập Công ty Đ. Do chưa hiểu pháp luật Việt Nam nên ông Lee Chu T và ông Lin Yen S để cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Bích Đ1 là người Việt Nam đứng tên giùm trong giấy phép kinh doanh và giữ chức Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, thực tế tài sản trong Công ty bà Đ1 và Ông Q không có gì. Toàn bộ tài sản trong Công ty là tài sản của ông Lin và ông L. Điều này thể hiện rõ trong bản án số 2502/DSST ngày 22/11/2004 và Bản án số 299/2005/DSPT ngày 30/6/2005.

Đến năm 1996 ông L và ông L1 tiếp tục thành lập xí nghiệp liên doanh Đ và một lần nữa Ông Q là đại diện Công ty ký hợp đồng với H thành lập Xí nghiệp liên doanh Đ. Vì vậy, toàn bộ máy móc và tài sản góp vốn chuyển từ Công ty TNHH Thương mại Đ vào Xí nghiệp liên doanh Đ và tài sản đó là tài sản của ông L và ông L1.

Thứ hai: Về hợp đồng Lixăng sử dụng nhãn hiệu có giá trị 50.000,00 USD: Do Ông Q chỉ là người làm thuê không có tài sản gì trong Công ty TNHH Thương mại Đ nên việc ông kiện đòi số tiền liên quan đến hợp đồng cũng không có thật.

Thứ ba: Về nhà xưởng Công ty Đ đã trả 31.694,52 USD: Đây cũng là số tiền của ông L và ông L1 đã bỏ ra mà không có bất cứ liên quan gì đến Ông Q.

Thứ tư: Bồi thường thiệt hại do thu nhập Công ty Đ bị mất từ năm 1997 đến năm 2004 là 2.809.206.551,20 đồng: Do toàn bộ tài sản của Công ty TNHH Thương mại Đ là tài sản của ông L1 và ông L không liên quan gì đến Ông Q.

Từ những nhận định trên việc nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn và ông Lin Yen S trả số tiền Tổng cộng là 2.789.002.633 đồng và 137.271,61 USD là hoàn toàn không đúng sự thật. Bị đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn Q rút lại đơn khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Lin Yen S trình bày:

Nguyên giữa Công ty H và Công ty TNHH Đ có liên doanh thành lập xí nghiệp liên doanh Đ và ông Lin Yen S được Công ty H cử vào tham gia điều hành xí nghiệp. Thời gia đầu, ông L Chu Tsun và ông Nguyễn Văn Q trực tiếp quản lý, điều hành xí nghiệp. Đến thời điểm này xí nghiệp liên doanh Đ lâm vào cảnh nợ nần nên đã xin ngừng hoạt động. Trong thời gian chờ giải thể để giải quyết một số công nợ và khách hàng có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xí nghiệp Đ đã thanh lý hết tài sản của Xí nghiệp để trả nợ được thực hiện tại thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và tiền bán tài sản đã được chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn Q nên hiện nay Xí nghiệp liên doanh Đ không còn tài sản gì.

Về yêu cầu của Công ty Đ buộc Công ty H vào ông Lin Yen S có trách nhiệm trả các khoản tiền trên, ý kiến của chúng tôi không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 934/2018/KDTM-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, Điều 30; điểm a, Khoản 1, Điều 39 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Đ về việc yêu cầu Công ty H hoàn trả tổng cộng là 2.789.002.633 đồng và 137.271,61 USD.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm của người phải thi hành án, tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2018, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Đ là ông Nguyễn Văn Q và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Trần Văn T2 trình bày: Bản án sơ thẩm vi phạm tố tụng, phía Công ty Đ có mời Luật sư Phạm Văn M, Tòa sơ thẩm cấp giấy chứng nhận, nhưng không mời Luật sư M tham gia. Ông Q không thể tự mình tham gia để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hoàn trả tài sản góp vốn của Đ vào xí nghiệp liên doanh Đ. Nhưng tòa sơ thẩm không xem xét nghĩa vụ liên đới. Cấp sơ thẩm nhận định ông L Chien Jen và ông Lin Yen S góp vốn do Ông Q đứng tên là không đúng. Xí nghiệp liên doanh Đ làm ăn thua lỗ nên hai bên cùng chịu là nhận định sai. Năm 1997 H đã rút toàn bộ vốn góp. Phía H góp vốn không đủ thì phải chịu trách nhiệm do việc của mình gây ra. Xí nghiệp liên doanh Đ không còn tài sản. Liên doanh giữa Việt Nam và Đài Loan. Chỉ dựa vào biên bản xác minh, điều kiện thi hành án là không đúng. Trách nhiệm cung cấp báo cáo tài chính thuộc về H. Phía H đã vi phạm thỏa thuận. Ông Lin Yen S bán tài sản xí nghiệp liên doanh Đ, thực chất là tài sản của Công ty Đ góp vốn điều lệ xí nghiệp liên doanh Đ, với tư cách là Chủ tịch Tổng giám đốc, Lin Yen S phai lập thủ tục hoàn trả lại tài sản của Công ty Đ, không nên bán sang tên chủ quyền qua doanh nghiệp Đ2 do mình làm Tổng giám đốc. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Thương

mại Đ, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 934/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Luật sư T2 trình bày vi phạm tố tụng do cấp sơ thẩm không để Luật sư Phạm Văn M tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có ý kiến về việc vắng mặt của Luật sư M. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu này không có căn cứ.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - Công ty TNHH Thương mại Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[2] Theo lời trình bày xác nhận của các đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Tháng 3 năm 1993 Công ty TNHH Thương mại Đ được thành lập theo giấy phép số 327 ngày 25/3/1993 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ là 500.000.000đ, tháng 12/1993 tăng lên 1.500.000.000đ.

Về mặt pháp lý Công ty TNHH Thương mại Đ gồm hai thành viên là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Bích Đ1 mỗi người 50%, năm 1995 bà Đ1 chuyển nhượng phần hùn cho ông Du Phước L2 nhưng trên thực tế Công ty Đ do ông Lee Chu T (Lý Chúc T) và ông Lin Yen S quốc tịch Đài Loan – Trung Quốc thành lập và để Ông Q, bà Đ1 đứng tên dùm (nội dung này đã được khẳng định tại bản án số 229/2005/DSPT ngày 30/6/2005 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Năm 1996 Công ty TNHH Thương mại Đ (Bên Việt Nam) và Công ty H (Bên nước ngoài) thành lập Xí nghiệp Liên doanh Đ. Hiện nay Xí nghiệp liên doanh Đ đã giải thể và thanh lý hết tài sản để trả nợ, thi hành án dân sự. Ngày 23/8/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4077/QĐ-UB về việc chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp liên doanh Đ.

[3] Công ty Đ yêu cầu Công ty H trả thiết bị máy móc trị giá: 47.248,47 USD; Xe tải 1,5 tấn hiệu Hyundai: 8.325,62 USD đã góp vào vốn pháp định của xí nghiệp liên doanh Đ ngày 05/3/1997 nhưng sau đó để thi hành bản án số 2293/2005/DS-ST ngày 11/10/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án số 39/2006/DS-PT ngày 21/2/2006 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì các bên thỏa thuận giao xe tải và tài sản cho Công ty Liên doanh sản xuất Đ2. Nay Công ty Đ yêu cầu Công ty H phải hoàn trả vốn góp liên doanh là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền nguyên vật liệu inox lấy thừa 214.150.587 đồng; thuê nhà xưởng năm thứ nhất: 23.363,52 USD, năm thứ hai: 8.334,00 USD; trả giá trị hợp đồng Lixăng sử dụng nhãn hiệu 50.000,00 USD (vốn góp trong vòng 10 năm) Hội đồng xét xử xét thấy: Xí nghiệp liên doanh Đ gồm có hai thành viên là Công ty Đ và Công ty H và những tài sản nói trên được các bên xác định là phần vốn góp của Công ty Đ vào xí nghiệp liên doanh Đ, việc liên doanh là do các bên tự thỏa thuận cùng góp vốn để hoạt động sản xuất, kinh doanh. Quá trình kinh doanh bị thua lỗ nên đã bán hết tài sản để thanh toán các nghĩa vụ dân sự và chấm dứt hoạt động vào năm 2004 theo Quyết định số 4077/QĐ-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, việc Công ty Đ yêu cầu Công ty H thanh toán các khoản tiền trên là không có căn cứ.

[5] Yêu cầu của Công ty Đ đòi H bồi thường thiệt hại thu nhập bị mất từ năm 1997 đến năm 2004 với số tiền 2.574.852.046 đồng, vì cho rằng trước khi liên doanh, Công ty Đ mỗi năm thu nhập khoảng 321 triệu đồng nên từ năm 1997 đến 2004 không có khoản thu nhập nào nên yêu cầu bồi thường 2.574.852.046 đồng. Lý do Công ty Đ đưa ra là không có căn cứ và Ông Q đại diện cho công ty Đ cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh H gây ra thiệt hại cho Công ty Đ. Như vậy yêu cầu bồi thường này là không có cơ sở pháp lý.

[6] Với nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Đ kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử xem xét nên kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Đ là không có cơ sở chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH Thương mại Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 934/2018/KDTM-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 3, Điều 30; điểm a, Khoản 1, Điều 39 và khoản 1 Điều 147 và Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Đ về việc yêu cầu Công ty H hoàn trả tổng cộng là 2.789.002.633 đồng và 137.271,61 USD.

+ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Đ phải chịu 113.898.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.398.503 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006238 quyền 0125 ngày 21 tháng 10 năm 2008 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, còn phải nộp tiếp 97.499.497 đồng (Chín mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

+ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Đ phải nộp 2.000.000 đồng, được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0049440 ngày 20/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- NĐ;
- BD;
- NLQ;
- Lưu (3), HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh